

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: *192* /SGD&ĐT-KHTC

V/v: Tham gia ý kiến dự thảo quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Kính gửi:

- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT.

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang về ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2017, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng dự thảo quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (dự thảo) để thay thế Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đề trình UBND tỉnh ban hành quy định phù hợp với các quy định hiện hành và đảm bảo sát với thực tế địa phương; Sở GD&ĐT đề nghị Sở Tư pháp, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT nghiên cứu tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo.

(Dự thảo Tờ trình của Sở GD&ĐT và Quyết định của UBND tỉnh gửi kèm).

Các ý kiến tham gia đóng góp gửi về Sở GD&ĐT) ngày 22/03/2017 đồng thời gửi theo địa chỉ Email: phongkhtc@bacgiang.edu.vn để tổng hợp và trình UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận: *2/2017*

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Các phòng, ban Sở GD&ĐT;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thêm

Số: / TTr-SGDĐT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang về ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2017;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bắc Giang trình UBND tỉnh Ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH QUY ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Ngày 26/4/2012 Liên Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực (Thông tư số 66). Theo đó, ngày 02/8/2012, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND về Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, xét tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND).

Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND đến nay có nhiều điểm không còn phù hợp như Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT (Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017), Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy (Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017) có nhiều thay đổi, bổ sung so với Quy chế thi những năm trước, phát sinh một số nhiệm vụ mới cần phải quy định đề đơn vị tổ chức thực hiện. Định mức chi theo Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND áp dụng với mức lương cơ sở là 1.050.000 đồng/tháng; từ ngày 01/7/2017 sẽ áp dụng mức lương cơ sở mới là 1.300.000 đồng/tháng (theo Nghị quyết số 27/2016/QH14 của Quốc hội);

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã có quy định khen thưởng cho học sinh có thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; tuy nhiên chưa ban hành các chính sách hỗ trợ để khuyến khích các đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia và thi chọn học sinh trung học phổ thông vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế.

Theo điểm 3, Điều 5 Thông tư số 66 quy định: “ ... các địa phương căn cứ vào mức chi trên để ban hành các quy định cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, nhưng không vượt mức chi quy định tại Thông tư này”. Tại điểm 3, Điều 7 quy định: “Ngoài các kỳ thi và nhiệm vụ quy định tại Thông tư này, các cơ sở giáo dục đào tạo tự quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong phạm vi, nhiệm vụ chuyên môn và nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị”.

Từ những căn cứ lý luận và thực tiễn trên, việc UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, một số chế độ chính sách cho học sinh và giáo viên trong kỳ thi học sinh giỏi, giáo viên giỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thay thế Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND là cần thiết và phù hợp theo các quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG QUY ĐỊNH

1. Mục đích

Việc ban hành quyết định của UBND tỉnh để thay thế Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND nhằm giải quyết các vấn đề sau:

- Bổ sung một số kỳ thi, nội dung thi cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay;

- Đảm bảo quy định và thống nhất trên địa bàn tỉnh nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi trong cơ sở giáo dục có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý tài chính phục vụ kỳ thi, góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm.

2. Quan điểm chỉ đạo

Dự thảo quy định của UBND tỉnh xây dựng đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành; nội dung, định mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các kỳ thi của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính và của UBND tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUY ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Thực hiện chương trình công tác năm 2017 của UBND tỉnh, trên cơ sở thực tế những bất cập sau hơn 04 năm triển khai thực hiện Thông tư số 66 và Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND, Sở GD&ĐT đã xây dựng Dự thảo quy định của UBND tỉnh, lấy ý kiến đóng góp của Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT (tại Công văn số /SGD&ĐT-KHTC ngày / /2017).

Căn cứ góp ý của các đơn vị, Sở GD&ĐT bổ sung, điều chỉnh dự thảo quy định của UBND tỉnh; tiếp tục xin ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố. Trong quá trình xây dựng dự thảo đã tham khảo thực tế quy định của một số tỉnh, thành phố¹

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục

Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh được bố cục theo hình thức Quyết định ban hành Quy định, gồm 8 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

¹ Tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ ôn luyện đội tuyển HSG quốc gia áp dụng từ tháng 9 năm 2016; thành phố Hà Nội mức chi bằng 100% mức chi Thông tư 66 (Áp dụng từ tháng 1 năm 2017); nhiều tỉnh khác xây dựng mức chi từ năm 2012 đều cao hơn mức chi của tỉnh tại Quyết định 253, hiện cũng đang sửa đổi cho năm nay.

Điều 4. Nội dung chi cho công tác tổ chức thi

Điều 5. Nội dung chi cho công tác ôn luyện các đội tuyển dự thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia và dự thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế.

Điều 6. Mức chi cho công tác tổ chức thi

Điều 7. Nguồn kinh phí, lập dự toán, hạch toán, quyết toán kinh phí chi các kỳ thi, xét tuyển.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, gồm:

- + Thi chọn học sinh giỏi văn hóa, giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh;
 - + Thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia; thi chọn học sinh trung học phổ thông vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế;
 - + Thi trung học phổ thông quốc gia;
 - + Thi, xét tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, bổ túc văn hóa;
 - + Xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, bổ túc trung học cơ sở;
 - + Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông (cấp THCS, THPT);
 - + Thi giải toán, vật lý..., giải toán bằng Tiếng Anh trên mạng Internet cấp huyện, cấp tỉnh, quốc gia;
 - + Thi Olympic tiếng Anh trên mạng Internet cấp huyện, cấp tỉnh, quốc gia;
 - + Thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính CASIO cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia;
 - + Thi khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia;
 - + Thi Giai điệu tuổi hồng cấp huyện, cấp tỉnh;
- Đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật giáo dục; các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2.2. Về nội dung chi

Cụ thể hóa các nội dung chi theo Thông tư số 66 và bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

2.3. Về định mức chi

2.3.1. Nguyên tắc xác định mức chi

- Tiền lương tối thiểu tăng từ 1.050.000 đồng/tháng đến 1.300.000 đồng/tháng (tăng 24%); ngoài ra mức chi theo Quyết định 253 chỉ đạt 68% so với Thông tư 66; Như vậy để phù hợp thì tăng thêm 24% tức là đạt 92% so với Thông tư 66. Mức đề xuất sau khi tăng thêm đạt tỷ lệ 90% so với Thông tư 66.

- Quy định để thống nhất nội dung chi một số cuộc thi trong Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT giao cho các địa phương quyết định (bao gồm: các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia và tham gia ôn luyện vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; kỳ thi chọn giáo viên giỏi các cấp...); mức chi vận dụng theo Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT (theo quy định tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT: “Ngoài các kỳ thi và nhiệm vụ quy định tại Thông tư này, các cơ sở giáo dục đào tạo tự quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong phạm vi, nhiệm vụ chuyên môn và nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị”).

2.3.2. *Cụ thể các nội dung chi:*

- Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia: mức chi phụ cấp trách nhiệm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Quy định cụ thể các Ban sao in đề, Ban coi thi, Ban làm phách, Ban thư ký, Ban vận chuyển đề thi, Ban chấm thi theo Thông tư số 04/2017/TT-BGD&ĐT ngày 25/01/2017, phụ cấp trách nhiệm của các Ban này đạt khoảng 90% so với định mức chi quy định tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT.

- Chi cho đội tuyển học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia, học sinh ôn luyện vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế: áp dụng khoảng 70% so với Thông tư số 66, riêng chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển bằng 13% so với Thông tư số 66.

Đối với kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, huyện và cấp trường bậc THPT áp dụng bằng 70% định mức này. Đối với các kỳ thi cấp huyện khác áp dụng bằng 70% cấp tỉnh.

- Chế độ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh và các nội dung chấm thi khác vận dụng định mức như chi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia.

- Xét tuyển sinh, xét tốt nghiệp trung học cơ sở: tăng 30% so với Quyết định 253.

(Mức chi cụ thể có phụ lục kèm theo)

Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;

- Các phòng, ban Sở GD&ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thêm

PHỤ LỤC
MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, XÉT TUYỂN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SGD&ĐT ngày / /2017 của Sở GD&ĐT)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
I	PHỤ CẤP BAN CHỈ ĐẠO THI, HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA THI					
1	Ban chỉ đạo thi, Hội đồng thi, Ban thư ký cấp tỉnh					
1.1	Ban chỉ đạo thi cấp tỉnh	Người/ngày				Tăng 30% QĐ 253
	Trưởng ban	Người/ngày		230	300	
	Phó trưởng ban	Người/ngày		210	270	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày		180	230	
1.2	Hội đồng thi	Người/ngày				
	Chủ tịch	Người/ngày		210	270	
	Phó Chủ tịch	Người/ngày		180	230	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày		180	230	
1.3	Ban thư ký	Người/ngày				
	- Trưởng ban	Người/ngày		180	240	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày		170	225	
	- Ủy viên	Người/ngày		150	190	
2	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra trước, trong và sau khi thi	Cấp huyện, thành phố bằng 70% định mức này				
	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	300	210	230	76,7
	Thành viên đoàn thanh tra	Người/ngày	210	150	190	90,5
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	250	175	225	90,0
	Lái xe	Người/ngày		70	100	
3	Chi phụ cấp trách nhiệm xét tuyển vào đầu cấp phổ thông	Xét công nhận tốt nghiệp THCS bằng 70% mức này				
	Chủ tịch	Người/ngày		150	200	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
	Phó chủ tịch	Người/ngày		140	180	Tăng 30% so QĐ 253
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày		120	160	
	Nhân viên phục vụ	Người/ngày		50	100	Tăng 100% so QĐ 253
II	CHI RA ĐỀ THI	Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% định mức này				
1	Chi cán bộ ra đề thi chính thức và dự bị					
1.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, thi chọn học sinh giỏi, giáo viên giỏi cấp tỉnh	Người/ngày		200	260	Tăng 30% so QĐ 253
1.2	Thi nghề phổ thông	Bao gồm chi phí của cả hội đồng				
	Đề lý thuyết	Đề		120	150	Tăng 30% so QĐ 253
	Đề thực hành	Đề		40	50	
2	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi					
	Chủ tịch	Người/ngày	350	230	315	90,0
	Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	315	220	285	90,5
	Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	280	220	250	89,3
	Thư ký	Người/ngày	230	160	210	91,3
	Công an, kỹ thuật viên	Người/ngày		160	190	
	Nhân viên bảo vệ vòng ngoài, phục vụ, y tế	Người/ngày	115	80	105	91,3
3	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng (Ban) In sao đề thi					
	Chủ tịch, Trưởng ban	Người/ngày	300	210	270	90,0
	Phó chủ tịch, Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	260	180	235	90,4
	Phó chủ tịch, Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày		180	225	
	Ủy viên, thư ký, công an, kỹ thuật viên	Người/ngày	210	150	190	90,5
	Nhân viên bảo vệ vòng ngoài, phục vụ, y tế	Người/ngày	115	80	105	91,3

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
4	Chi ăn cho những người trong Hội đồng ra đề thi, Ban In sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày		150	150	Áp dụng chung cho cả cấp tỉnh và cấp huyện
5	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi					
	Trưởng ban	Người/ngày			240	Áp dụng bằng định mức phụ cấp trách nhiệm Ban coi thi
	Phó trưởng ban	Người/ngày			225	
	Ủy viên, công an	Người/ngày			190	
	Phục vụ, lái xe	Người/ngày			100	
III	TỔ CHỨC COI THI					
I	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng (Ban) coi thi, điểm thi		Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% định mức này			
	Chủ tịch, Trưởng ban, Trưởng điểm thi	Người/ngày	265	180	240	90,6
	Phó chủ tịch, Phó trưởng ban, Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	250	170	225	90,0
	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, công an	Người/ngày	210	150	190	90,5
	Nhân viên bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	100	80	100	100,0
2	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông					
	Chủ tịch	Người/ngày		90	120	Tăng 30% so QĐ 253
	Phó chủ tịch	Người/ngày		85	110	
	Ủy viên, Thư ký, giám thị	Người/ngày		75	100	
	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày		50	80	
IV	TỔ CHỨC CHẤM THI					
			Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% định mức này			
1	Chấm bài thi tự luận		<i>Định mức trên bao gồm chi cho cán bộ chấm và phụ cấp tổ trưởng tổ phó các tổ chấm, văn phòng phẩm ... của Ban Chấm thi và Ban Làm phách</i>			
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Bài		10	13	Tăng 30% so QĐ 253
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Bài		20	26	
	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	Bài		5	7	
	Thi THPT quốc gia	Bài	15	10	13.5	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
2	Chấm bài thi trắc nghiệm					
	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	350	240	315	90,0
3	Chi ăn cho những người trong Ban Chấm thi, Ban làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày		150	150	Áp dụng chung cho cả cấp tỉnh và cấp huyện
4	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng (Ban) chấm thi					
4.1	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng (Ban) chấm thi					
	Chủ tịch (Trưởng ban)	Người/ngày	300	210	270	90,0
	Phó chủ tịch (Phó trưởng ban) (cách ly)	Người/ngày	275	180	250	90,9
	Phó chủ tịch (Phó trưởng ban) (Không cách ly)	Người/ngày	250	180	225	90,0
	Thư ký, công an, kỹ thuật viên	Người/ngày	210	150	190	90,5
	Bảo vệ vòng ngoài, phục vụ, y tế	Người/ngày	115	80	105	91,3
4.2	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban làm phách					
	- Trưởng ban	Người/ngày		180	240	Bảng định mức Ban thư ký
	- Phó trưởng ban	Người/ngày		170	225	
	- Ủy viên	Người/ngày		150	190	
4.3	Chấm thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày			270	Thông tư 139
	Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày			260	
	Ủy viên. Thư ký, giám khảo	Người/ngày			250	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày			100	
	Giám khảo thuê ngoài (ngoài ngành giáo dục)	Người/buổi			500	
4.4	Chấm thi Giai điệu tuổi hồng, Chấm thi thực hành các môn văn hóa cấp tỉnh					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày			250	
	Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày			220	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
	Uỷ viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày			200	Thông tư 139
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày			100	
	Giám khảo thuê ngoài (ngoài ngành giáo dục)	Người/buổi			500	
5	Chăm bài phúc khảo					
	Chủ tịch (Trưởng ban)	Người/ngày	300	210	270	90,0
	Phó chủ tịch (Phó trưởng ban cách ly)	Người/ngày	275	180	250	90,9
	Phó chủ tịch (Phó trưởng ban không cách ly)	Người/ngày	250	180	225	90,0
	Chi cán bộ chăm phúc khảo	Người/ngày	210	110	190	90,5
	Bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/ngày	115		100	87,0
6	Chăm thi giáo viên giỏi		Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% định mức này			
6.1	Chi thi lý thuyết					
	Thi cấp tỉnh		Áp dụng như kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh			
6.2	Chi chăm thi thực hành (chi phí của cả hội đồng)					
	Thi cấp tỉnh	Người dự thi			300	
6.3	Chăm sáng kiến kinh nghiệm (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến			40	
V	CHI ÔN LUYỆN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI VĂN HÓA CÁC CẤP					
1	Chi học sinh tham dự thi lập đội tuyển quốc gia thi Olympic quốc tế					
	Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	250		200	80,0
	Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	230		160	69,6
2	Chi đội tuyển ôn luyện thi học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia		Thời gian thanh toán không quá 3 tháng; Thi cấp tỉnh bằng 70% định mức này; Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% thi cấp tỉnh.			
	Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	250		170	68,0
	Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	230		30	13

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo Thông tư 66	Mức chi theo Quyết định 253	Mức chi đề xuất	Tỷ lệ mức chi đề xuất so với Thông tư 66, QĐ 253
	Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đội tuyển/ngày	60		40	66,7
3	Chi cho đội tuyển tham dự cuộc thi học sinh giỏi khu vực và quốc gia Olympic tiếng Anh, Toán... trên mạng Internet; CASIO	Thi cấp tỉnh bằng 70% định mức này; Thi cấp huyện, thành phố bằng 70% thi cấp tỉnh.				
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết			120	Bằng 70% ôn luyện thi HSG văn hóa cấp Quốc gia
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày			20	
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển (những ngày đoàn tập trung ôn luyện đội tuyển tại tỉnh)	Người/ngày			100	

Số: /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 253/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TT Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
2. Quy định này áp dụng cho các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển:
 - Thi chọn học sinh giỏi văn hóa, giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh;
 - Thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia; thi chọn học sinh trung học phổ thông vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế;
 - Thi trung học phổ thông quốc gia;
 - Thi, xét tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, bồi túc văn hóa;
 - Xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, bồi túc trung học cơ sở;
 - Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông (cấp THCS, THPT);
 - Thi giải toán, vật lý..., giải toán bằng Tiếng Anh trên mạng Internet cấp huyện, cấp tỉnh, quốc gia;
 - Thi Olympic tiếng Anh trên mạng Internet cấp huyện, cấp tỉnh, quốc gia;
 - Thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính CASIO cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia;
 - Thi khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia;
 - Thi Giai điệu tuổi hồng cấp huyện, cấp tỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật giáo dục.
2. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức thanh toán theo Quy định này được thực hiện cho những ngày làm việc thực tế trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển.
2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp cao nhất.
3. Các khoản chi tiền ăn, ở cho những người trong các hội đồng cách ly đặc biệt với bên ngoài; các khoản thuê mượn, mua vật tư, văn phòng phẩm, ... phục vụ

cho các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển được thanh toán theo thực tế trên cơ sở hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Nội dung chi cho công tác tổ chức thi

1. Chi cho công tác ra đề thi:

- Chi soạn thảo và phản biện đề thi tự luận chính thức, dự bị có kèm theo hướng dẫn chấm, biểu điểm; dụng cụ, hóa chất và mẫu vật thực hành;

- Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm: mục đích kỳ thi, mục tiêu đánh giá, thời gian thi, xây dựng các yêu cầu, kỹ thuật về cấu trúc đề thi, thiết lập ma trận, chỉnh sửa câu trắc nghiệm;

- Chi phản biện đề thi.

2. Chi cho Hội đồng ra đề thi:

- Thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi (nếu có);

- Chi phí ăn, ở cho những người trong Hội đồng ra đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài;

- Chi thanh tra, giám sát;

- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề thi gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký, ủy viên, công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ trong thời gian Hội đồng ra đề thi làm việc;

- Thuê hoặc mua trang thiết bị (nếu có);

- Mua vật tư, văn phòng phẩm, chi khác (nếu có).

3. Chi cho Hội đồng (Ban) In sao đề thi:

- Thuê địa điểm làm việc của Hội đồng In sao đề thi (nếu có);

- Chi phí ăn, ở cho những người trong Hội đồng In sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài;

- Chi thanh tra, giám sát;

- Thuê hoặc mua trang thiết bị (nếu có);

- Chi phụ cấp trách nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký, công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ ở tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc;

- Mua vật tư, văn phòng phẩm, chi khác (nếu có).

4. Chi cho vận chuyển đề và bàn giao đề thi:

- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên, công an, lái xe trong thời gian vận chuyển và bàn giao đề thi;

- Chi thuê xe, tiền xăng phục vụ vận chuyển đề thi đến địa điểm thi.

5. Chi cho công tác coi thi:

- Chi thuê địa điểm thi (nếu có);

- Chi cho tổ chức thêm ngày thi (nếu có);
- Chi thuê hoặc mua trang thiết bị (nếu có);
- Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, chi khác (nếu có);
- Chi in thẻ dự thi, phù hiệu giám thị/cán bộ coi thi, ...;
- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi, Ban coi thi, điểm thi: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Trưởng ban, Phó trưởng ban, Trưởng điểm thi, Phó trưởng điểm thi, ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát; công an; thanh tra, kiểm tra thi; nhân viên bảo vệ, phục vụ, y tế;

- Chi công tác phí cho cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng làm nhiệm vụ thi tại cụm thi do Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang chủ trì (định mức chi theo văn bản quy định chế độ công tác phí hiện hành của Bộ Tài chính).

6. Chi cho công tác làm phách, chấm thi:

- Chi thuê địa điểm làm việc của Ban Làm phách, Chấm thi (nếu có);
- Thuê phương tiện vận chuyển bài thi, giám khảo ngoài ngành (nếu có);
- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Làm phách gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên;
- Chi công tác chấm thi tự luận: Chi chấm bài thi tự luận, phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi;
- Chi công tác chấm thi trắc nghiệm: Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ xử lý bài thi trắc nghiệm, thuê máy chấm (nếu có);
- Cho công tác chấm thi thực hành: Chi chấm bài, phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi;
- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng (Ban) chấm thi gồm: Chủ tịch (Trưởng ban), Phó chủ tịch (Phó trưởng ban), ủy viên, thư ký, công an; thanh tra, kiểm tra chấm thi; tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi; nhân viên bảo vệ, y tế, kỹ thuật viên, phục vụ tại địa điểm chấm thi;

- Mua vật tư, văn phòng phẩm; In các loại giấy chứng nhận, phù hiệu giám khảo/cán bộ chấm thi, chi khác (nếu có);

- Chi phí ăn, ở cho những người trong Ban Làm phách, Hội đồng, Ban chấm thi trắc nghiệm trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài;

- Chi công tác phí cho cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng làm nhiệm vụ thi tại cụm thi do Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang chủ trì (định mức chi theo văn bản quy định chế độ công tác phí hiện hành của Bộ Tài chính).

7. Chi công tác phúc khảo bài thi (nếu có):

- Chi thuê địa điểm làm việc của Hội đồng (Ban) phúc khảo (nếu có); mua vật tư, văn phòng phẩm; In phù hiệu giám khảo/cán bộ chấm, chi khác (nếu có);
- Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng (Ban) phúc khảo gồm: Chủ tịch (Trưởng ban), Phó chủ tịch (Phó trưởng ban), ủy viên, thư ký, công an; thanh tra,

kiểm tra chấm phúc khảo; nhân viên bảo vệ, y tế, kỹ thuật viên, phục vụ tại địa điểm chấm phúc khảo.

Điều 5. Nội dung chi cho ôn luyện, đi thi của các đội tuyển dự thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia và dự thi lập đội tuyển quốc gia thi Olympic quốc tế.

1. Chi xây dựng đề cương chi tiết cho chương trình ôn luyện;
2. Chi dịch tài liệu tham khảo (nếu có);
3. Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (bao gồm công tác quản lý và phục vụ);
4. Chi giáo viên dạy lý thuyết và thực hành ôn luyện đội tuyển (bao gồm công biên soạn tài liệu phục vụ giảng dạy lý thuyết và thực hành);
5. Chi thuê chuyên gia dạy đội tuyển, chi công tác phí cho chuyên gia;
6. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển trong những ngày ôn luyện tập trung;
7. Chi thuê phòng học, phòng thí nghiệm thực hành (nếu có);
8. Chi thuê phương tiện đi thực tế và các dịch vụ khác (nếu có);
9. Chi mua nguyên vật liệu, hóa chất; mua tặng phẩm (nếu có);
10. Chi tiền ăn, ngủ và thanh toán tiền tàu, xe cho học sinh, giáo viên trong đội tuyển đi thi cấp tỉnh, cấp quốc gia theo chế độ công tác phí hiện hành;
11. Chi các nhiệm vụ khác có liên quan.
12. Các cuộc thi Giai điệu tuổi hồng; Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và quốc gia, căn cứ kế hoạch triển khai và nội dung thực hiện, đơn vị áp dụng mức chi như kỳ thi học sinh giỏi văn hóa.

Điều 6. Mức chi cho công tác tổ chức thi

Mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa cho việc tổ chức các kỳ thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Mức chi cho nhiệm vụ cụ thể để tổ chức các kỳ thi, xét tuyển theo Phụ lục đính kèm.

Điều 7. Nguồn kinh phí, lập dự toán, hạch toán, quyết toán kinh phí chi các kỳ thi, xét tuyển.

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong việc tổ chức kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước giao trong kế hoạch hàng năm, nguồn thu học phí, nguồn thu lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

2. Căn cứ mức chi và nội dung chi, đơn vị xây dựng dự toán chi cho từng kỳ thi và tổ chức thực hiện, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị có tổ chức các cuộc thi khác ngoài các kỳ thi, cuộc thi quy định tại Quy định này được vận dụng nội dung, định mức chi tương ứng và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các cơ sở giáo dục phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương